

Đa dạng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị

Lê Tuấn Anh^{1*}, Trần Thị Hân¹, Phạm Thị Thúy Hoài¹, Hà Văn Bắc²

¹Trung tâm KH&CN Quảng Trị, Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung

²Hạt Kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông

Ngày nhận bài 1/2/2021; ngày chuyển phân biện 10/2/2021; ngày nhận phân biện 26/3/2021; ngày chấp nhận đăng 31/3/2021

Tóm tắt:

Nghiên cứu đa dạng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ (LSNG) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị đã ghi nhận được 477 loài, 325 chi, 119 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, với ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta) chiếm 96,01% tổng số loài. Có 10 họ đa dạng nhất về loài đã được xác định. Với nhiều giá trị sử dụng: cây lấy sợi 21 loài (4,40%), dược liệu 375 loài (78,62%), cây thực phẩm 74 loài (15,51%), cây cho tinh dầu 80 loài (16,77%), cây cảnh 124 loài (26,00%) và cây cho sản phẩm khác 36 loài (7,55%). Có 29 loài thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định 06/2019/NĐ-CP. Kết quả là cơ sở để Khu bảo tồn quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thực vật cho LSNG tại khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: đa dạng thực vật lâm sản ngoài gỗ, Đakrông, khu bảo tồn, Quảng Trị.

Chỉ số phân loại: 4.4

Đặt vấn đề

Khu bảo tồn thiên nhiên (BTNN) Đakrông nằm về phía nam của huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị được thành lập theo Quyết định số 4343/2002/QĐ-UBND ngày 5/7/2002 với tổng diện tích hơn 37.600 ha. Khu vực này là điểm cuối dãy Trường Sơn Bắc, có tính đa dạng sinh học cao, phong phú và độc đáo, được Tổ chức bảo tồn chim quốc tế (Birdlife International) xếp vào vùng chim đặc hữu vùng địa hình đồi núi thấp Trung Bộ - 1 trong 4 vùng chim đặc hữu của Việt Nam; là nơi giao lưu giữa các luồng thực vật bắc nam, khu vực Đông Dương với tài nguyên LSNG rất phong phú. Nơi đây còn là khu vực sinh sống của đồng bào người Vân Kiều, Pa Cô với bản sắc văn hoá độc đáo, dồi dào về kho tàng văn hóa phi vật thể, phong tục tập quán của dân cư địa phương có ảnh hưởng đến chủng loại LSNG được khai thác. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có tài liệu nào thống kê, đánh giá đầy đủ nguồn tài nguyên LSNG tại khu vực [1].

LSNG có vai trò rất quan trọng đối với công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường sinh thái. Tài nguyên LSNG tại Khu BTTN Đakrông cũng rất phong phú với nhiều giá trị sử dụng như cho sợi, dược liệu, thực phẩm, làm cảnh, đồ thủ công mỹ nghệ...

Xuất phát từ thực tiễn và những lý do nêu trên, đề tài “Đánh giá hiện trạng LSNG và đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng bền vững tại Khu BTTN Đakrông, tỉnh Quảng Trị” được thực hiện nhằm kiểm kê nguồn LSNG tại Khu bảo tồn, đánh giá được thực trạng khai thác, sử dụng của người dân địa phương, từ đó tạo cơ sở cho các nhà quản lý có định hướng phát triển và bảo tồn phù hợp.

Phương pháp nghiên cứu

- Kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có về LSNG tại Khu BTTN, gồm những ghi nhận về Danh lục thực vật cũ, các thông tin ghi chép của cán bộ kiểm lâm địa bàn..., đặc biệt là những kiến thức bản địa về LSNG của cộng đồng Vân Kiều tại Đakrông [2].

- Điều tra theo tuyến và thu mẫu theo Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), với số lượng 5 tuyến theo sinh cảnh đặc trưng, mỗi tuyến có độ dài 3 km, phạm vi chiều ngang là 3 m [3].

- Sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA) để đánh giá hiện trạng khai thác và buôn bán LSNG trong vùng đệm Khu BTTN bằng phiếu điều tra, phỏng vấn cán bộ Khu bảo tồn, cán bộ xã và người dân, mỗi nhóm 20 phiếu [4].

- Định loại tên khoa học dựa vào phương pháp so sánh hình thái theo tài liệu: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ) [5], Thực vật chí Việt Nam (nhiều tác giả).

Chính lý tên khoa học theo <http://www.theplantlist.org> [6].

- Xác định các loài quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng theo Sách đỏ Việt Nam, Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ [7, 8].

Kết quả và thảo luận

Đa dạng về các taxon thực vật

Kết quả điều tra đã ghi nhận được 477 loài thực vật bậc cao có mạch tại khu vực nghiên cứu có khả năng cho LSNG, thuộc 119 họ, 325 chi. Các loài thực vật bậc cao có mạch tại khu vực nghiên cứu có ở tất cả các ngành thực vật: Lycopodiophyta,

* Tác giả liên hệ: Email: tasa207@gmail.com

Diversity of non timber forest products (NTFPs) extracted from Dakrong nature reserve, Quang Tri province

Tuan Anh Le^{1*}, Thi Han Tran¹, Thi Thuy Hoai Pham¹, Van Bac Ha²

¹Quang Tri Center of Science and Technology,

Mien Trung Institute for Scientific Research, VAST

²Forest Protection Department of Dakrong Nature Reserve, Quang Tri province

Received 1 February 2021; accepted 31 March 2021

Abstract:

Research on plant diversity for non-timber forest products (NTFPs) at Dakrong Nature Reserve, Quang Tri province. The study results have recorded 477 species, 325 genera, 119 families belonging to 5 vascular plant divisions, with Magnoliophyta accounting for 96.01% of the total number of species. The ten most diverse families of species have been identified. They are harvested from the forest to serve the lives of people and to sell. Useful plant resources comprise fibre plants 21 species (4.40%), medicinal plants 375 species (78.62%), foods plants 74 species (15.51%), aromatic plants 80 species (16.77%), ornament plants 124 species (26.00%), and plants for other products 36 species (7.55%). There are 29 species listed in the Vietnam Red Data Book (2007) and Decree 06/2019/ND-CP. The research results are the basis for the Dakrong Nature Reserve to manage and sustainably use plant resources for non-timber forest products in the study area.

Keywords: Dakrong, nature reserve, plant diversity non-timber forest products, Quang Tri province.

Classification number: 4.4

Polypodiophyta, Pinophyta, Gnetophyta và Magnoliophyta, trong đó ngành Magnoliophyta chiếm ưu thế với 458 loài (96,01%). Số lượng các bậc taxon phân bố được thống kê trong bảng 1.

Bảng 1. Thành phần thực vật cho LSNG phân bố ở các taxon.

TT	Ngành		Họ		Chi		Loài	
	Tên phổ thông	Tên khoa học	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Họ Thông đất	Lycopodiophyta	2	1,68	2	0,62	2	0,42
II	Dương xỉ	Polypodiophyta	6	5,04	8	2,46	11	2,31
III	Hạt trần	Pinophyta	2	1,68	2	0,62	2	0,42
IV	Dây gấm	Gnetophyta	1	0,84	1	0,30	4	0,84
V	Hạt kín	Magnophyta	108	90,76	312	96,00	458	96,01
1	Lớp 2 lá mầm	Magnoliopsida	86	72,27	252	77,54	365	76,52
2	Lớp 1 lá mầm	Liliopsida	22	18,49	60	18,46	93	19,49
Tổng			119	100	325	100	477	100

Theo bảng 1, tỷ lệ loài giữa hai lớp Magnoliopsida và Liliopsida là 3,92:1, thể hiện tính chất thực vật nhiệt đới điển hình. Tuy nhiên, tỷ lệ này cho thấy số lượng cây hai lá mầm chiếm ưu thế hơn, với điều kiện khu vực có nhiều núi đá vôi và địa hình chia cắt, vào mùa khô rất ít khu vực có nước nên đây có thể là nguyên nhân cho sự chênh lệch này.

Bảng 2. Đa dạng về họ thực vật cho LSNG.

TT	Họ		Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Họ Thầu dầu	Euphorbiaceae	25	5,24
2	Họ Đậu	Fabaceae	23	4,82
3	Họ Cà phê	Rubiaceae	19	3,98
4	Họ Cúc	Asteraceae	16	3,35
5	Họ Cau	Arecaceae	15	3,14
6	Họ Cam quýt	Rutaceae	13	2,73
7	Họ Na	Annonaceae	12	2,52
8	Họ Trúc đào	Apocynaceae	12	2,52
9	Họ Hòa thảo	Poaceae	11	2,31
10	Họ Gừng	Zingiberaceae	11	2,31
Tổng			157	32,91

Kết quả bảng 2 cho thấy, tại Khu BTTN có nhiều họ đa dạng về thành phần loài thực vật cho LSNG. Đặc biệt như các họ: Thầu dầu (Euphorbiaceae) có đến 25 loài (5,24%), thường được khai thác để làm dược liệu và rau ăn... Các họ khác như Đậu, Cà phê, Cúc, Cau... có số lượng loài lớn, được thống kê với 157 loài, chiếm 32,91% tổng số loài điều tra được.

Giá trị sử dụng của LSNG

Căn cứ vào kết quả điều tra hiện trường, kết hợp phỏng vấn chuyên gia và các tài liệu công bố liên quan về giá trị sử dụng, đề tài đã xác định được 6 nhóm thực vật cho LSNG ở Khu BTTN Đăkrông. Kết quả được tổng hợp có 710 lượt giá trị sử dụng của 477 loài (bảng 3).

Bảng 3. Thực vật cho LSNG theo giá trị sử dụng tại Khu BTTN Đakrông.

TT	Nhóm giá trị sử dụng	Số lượng loài	Tỷ lệ %*
1	Cây cho sản phẩm làm dược liệu (DI)	375	78,62
2	Cây cho sản phẩm thực phẩm (Ta)	74	15,51
3	Cây làm cảnh, bóng mát (Cb)	124	26,00
4	Cây cho sản phẩm có sợi (S)	21	4,40
5	Cây cho sản phẩm chiết xuất (Cs)	80	16,77
6	Cây cho sản phẩm khác (Ck)	36	7,55
Tổng cộng		710	

*: xét trên tổng số loài ghi nhận được (477 loài).

Nhóm cây dược liệu: kết quả bảng 3 cho thấy, nhóm cây dược liệu có 375 loài, chiếm tỷ lệ lớn nhất (78,62%). Công dụng chữa bệnh khá đa dạng, từ những bệnh cảm mạo thông thường đến những bệnh nan y. Tuy nhiên, việc sử dụng cây thuốc của đồng bào chủ yếu đơn loài và thông tin ít, không được chia sẻ nhiều, khó lưu truyền cho thế hệ sau. Một số loài dược liệu quý có thể kể đến như: Ba gạc vòng (*R. verticillata*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Lan kim tuyến (*Anoetochilus setaceus*)...

Nhóm cây thực phẩm: có khoảng 74 loài, chiếm 15,51% tổng số loài LSNG. Các loài cho sản phẩm (lá, hoa, quả...) ăn được có vị ngon như: Lỗ ô (*Bambusa balcoa*), Rau má (*Centella asiatica*), Rau sắng (*Strophoblachia fimbricalyx*), Bắp chuối (*Musa acuminata*)...

Nhóm cây làm cảnh, bóng mát: gồm 124 loài, chiếm 26,00% tổng số loài LSNG. Nhiều loài cho hoa đẹp như Phong lan, Cẩm cù (*Hoya*), Thu hải đường (*Begonia* spp.). Đặc biệt, loài Cẩm cù đá (*Hoya crassipetiolata*) (hình 1) và Cẩm cù lâm thành (*H. lamthanhae*) (hình 2) mới được phát hiện ở các hốc núi đá vôi trong khu vực. Hai loài này có hoa đẹp và có giá trị làm cảnh trên thị trường. Chúng tôi đề nghị bổ sung vào danh lục thực vật của Khu BTTN Đakrông.



Hình 1. Cẩm cù đá (*Hoya crassipetiolata*)



Hình 2. Cẩm cù lâm thành (*H. lamthanhae*)

Nhóm cây cho sợi: gồm 21 loài, chiếm 4,40% tổng số loài LSNG được điều tra. Nhóm cây này được nhân dân sử dụng với các mục đích đa dạng: đan lát thủ công và các công việc hữu ích khác, gồm các loài: tre (*Bambusa balcoa* Roxb.), Mây bột

(*Calamus poilanei* Conr.), Lá nón (*Licuala bracteata*) dùng sản xuất nón lá truyền thống...

Nhóm cây cho tinh dầu, nhựa: các loài cung cấp nguyên liệu ép dầu, dầu ăn, tinh dầu, nhựa... có khoảng 80 loài, chiếm 16,77%, gồm Bời lời chanh (*Litsea cubeba* (Lour.) Pers.), Vù hương (*Cinamomum parthenoxylon*) có tinh dầu rất thơm, Riềng gió (*Zingiber zerumbet*)...

Nhóm cây cho sản phẩm khác: gồm khoảng 36 loài, chiếm 7,55% tổng số loài LSNG. Nhóm cây này được nhân dân sử dụng với các mục đích đa dạng phục vụ nhu cầu cuộc sống như cây gỗ chuồn (*Calophyllum* sp.) và cây đoác (*Arenga pinnata*) dùng để sản xuất rượu cần..., lau (*Erianthus arundinaceus*), sậy (*Phragmites valleria*)... dùng để làm chổi, đồ thủ công.

Thực vật cho LSNG ở Khu BTTN Đakrông rất phong phú, đa dạng về giá trị sử dụng. Trong đó, nhóm cho sản phẩm dược liệu và nhóm cây cảnh, cho bóng mát phục vụ tốt cho việc tạo cảnh quan và chống sạt lở tại địa phương. Giá trị dược liệu chưa được khai thác tốt, chỉ sử dụng tập trung một số loại như Lá khô, Lan kim tuyến, ... dẫn đến hiện tượng cạn kiệt trong tự nhiên, cần có biện pháp quản lý, khai thác phù hợp hơn.

Phân loại cây LSNG theo dạng sống thực vật

Bảng 4. Dạng sống thực vật cho LSNG.

TT	Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cây gỗ	126	26,42
2	Cây bụi	123	25,79
3	Cây dây leo	106	22,22
4	Cây thân thảo	104	21,80
5	Ký sinh/phụ sinh	18	3,77
Tổng		477	100

Kết quả bảng 4 cho thấy, trong các dạng sống của thực vật LSNG ở Khu BTTN Đakrông, dạng cây gỗ chỉ có 126 loài (chiếm 26,42%), các dạng còn lại có số lượng khá lớn, đặc biệt dạng thân thảo có 104 loài (chiếm 21,80%), cây bụi 123 loài (chiếm 25,79%). Như vậy có thể thấy cây LSNG ở đây chủ yếu thuộc dạng cây bụi, dây leo và cây thân thảo, điều này rất thuận lợi cho phát triển LSNG do chúng có thời gian sinh trưởng ngắn và dễ thu nguyên liệu, giúp cải thiện sinh kế nhanh và bền vững hơn, không tác động nhiều đến những loài cây gỗ có kích thước lớn.

Đa dạng về nguồn gen quý hiếm

Căn cứ vào Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ kết hợp với kết quả điều tra thực tế, đề tài đã ghi nhận được 29 loài thực vật quý hiếm cần được ưu tiên bảo tồn tại khu vực nghiên cứu. Trong đó có 13 loài trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và 20 loài thuộc Nghị định 06/2019/NĐ-CP [7, 8].

Bảng 5. Danh lục các loài LSNG tại Khu BTTN Đakrông có giá trị bảo tồn.

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách đỏ Việt Nam 2007	Nghị định 06/2019/NĐ-CP
1	<i>Cycas immersa</i> Craib.	Thiên tuế chìm		IIA
2	<i>Drynaria bonii</i>	Tắc kè đá		IIA
3	<i>Ixodonerium annamense</i> Pit	Néo	VU	
4	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gạc lá vòng	VU	
5	<i>Rauvolfia cambodiana</i> Pierre ex Pitar	Ba gạc cầm bột	VU	
6	<i>Garcinia fagraeoides</i> A. Chev.	Trái lý		IIA
7	<i>Sindora siamensis</i> Teyss. ex Miq.	Gỗ mật	EN	IIA
8	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.)	Xá xị	CR	
9	<i>Cinnamomum glaucescens</i> (Buch. Hamilt.) Drury	Re hương		IIA
10	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Vàng đắng		IIA
11	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour	Hoàng đắng		IIA
12	<i>Stephania japonica</i> (Thunb.) Miers.	Bình vôi nhát		IIA
13	<i>Stephania glabra</i>	Bình vôi		IIA
14	<i>Ardisia silvestris</i> Pitar	Lá khôi tía	VU	
15	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng	VU	
16	<i>Kadsura roxburghiana</i> Arnott.	Sun xe trung bộ		IIA
17	<i>Murraya glabra</i> (Guillaum.) Guillaum.	Vương tùng	VU	
18	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trầm hương	EN	
19	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Kim tuyến	EN	IA
20	<i>Calamus poilanei</i> Conr.	Mây bột	EN	IIA
21	<i>Tacca intergrifolia</i> Ker.-Gawl.	Hạ túc	VU	
22	<i>Dendrobium amabile</i> (Lour.) O'brien	Thủy tiên hương	EN	IIA
23	<i>Aerides falcata</i> Lindl.	Giáp hương		IIA
24	<i>Arundina graminifolia</i> (D.Don) Hochr.	Sậy lan		IIA
25	<i>Bulbophyllum mastersianum</i>	Lan lọng		IIA
26	<i>Cymbidium banaense</i> Gagn.	Đoàn kiếm		IIA
27	<i>Cymbidium dayanum</i>	Bích ngọc		IIA
28	<i>Cymbidium finlaysonianum</i>	Đoàn kiếm finlayson		IIA
29	<i>Dendrobium crystallinum</i> Reichb.f.	Ngọc vụn		IIA

Kết quả thống kê ở bảng 5 là cơ sở giúp Khu BTTN có chiến lược bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thực vật cho LSNG nơi đây. Đặc biệt, theo quy định mới, tất cả các loài lan đều thuộc phạm vi cấm khai thác, có 8 loài lan thuộc danh lục này được

ghi nhận tại Đakrông. Số lượng nhiều các loài cây nguy cấp và quý hiếm trong danh lục cây LSNG là tiềm năng của Khu BTTN Đakrông, nhưng cũng chính là những thách thức đối với các nhà quản lý. Cần có chế tài phù hợp để thực hiện tốt Nghị định này, bảo tồn được các loài lan rừng [7, 8].

Kết luận

Tại Khu BTTN Đakrông, tỉnh Quảng Trị đã điều tra được 477 loài thực vật cho LSNG, thuộc 119 họ, 325 chi thực vật bậc cao có mạch. Thực vật LSNG được chia thành 6 nhóm công dụng, với ưu thế của nhóm cây dược liệu. Trong đó có 29 loài thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định 06/2019/NĐ-CP cần được bảo vệ.

LSNG chủ yếu là dạng thân thảo với 104 loài (chiếm 21,80%), cây bụi với 123 loài (chiếm 25,79%), điều này rất thuận lợi cho phát triển LSNG tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Trị (2020), *Báo cáo Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu BTTN Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.
- [2] Hàn Tuyết Mai (2012), *Kiến thức bản địa trong quản lý và sử dụng thực vật lâm sản ngoài gỗ của cộng đồng người Vân Kiều ở thôn Là Tó, xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị*, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- [4] J.M. Gary (2002), *Thực vật dân tộc học*, Nhà xuất bản Nông thôn.
- [5] Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), *Cây cỏ Việt Nam, tập 1, tập 2, tập 3*, Nhà xuất bản Trẻ TP Hồ Chí Minh.
- [6] <http://www.theplantlist.org>.
- [7] Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), *Sách đỏ Việt Nam (Phần II - Thực vật)*, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- [8] Chính phủ (2019), *Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*.